

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GỐC

Nhu cầu đào tạo về kiến thức chuyên môn phục hồi chức năng của cán bộ y tế tuyến xã tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An năm 2022

Nguyễn Thị Hương^{1*}, Nguyễn Thị Hiền Lương¹, Lê Thị Thanh Nhân¹, Phan Nguyễn Hoàng Mai¹, Trịnh Công Sơn¹, Trần Ngọc Nghị^{1,2}, Nguyễn Mai Anh¹, Hoàng Văn Minh¹, Hồ Thị Hiền³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả nhu cầu đào tạo về kiến thức chuyên môn phục hồi chức năng của cán bộ y tế tuyến xã tại huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An năm 2022.

Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang. Phân tích nhu cầu đào tạo một số kiến thức chuyên môn phục hồi chức năng của 114 cán bộ y tế tuyến xã tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Kết quả: 100% đối tượng nghiên cứu có nhu cầu đào tạo kiến thức chuyên môn, đa số đối tượng mong muốn hình thức tập huấn, đều trên 82,5%.

Kết luận: Tất cả các đối tượng nghiên cứu có nhu cầu đào tạo kiến thức chuyên môn trong đó theo hình thức tập huấn là nhiều nhất. Cần tổ chức các lớp tập huấn trực tiếp cho cán bộ y tế địa phương do cán bộ y tế tuyến huyện trở lên giảng tại Ủy ban nhân dân huyện và xã để gần nơi công tác của cán bộ y tế nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn phục hồi chức năng để cán bộ y tế có thể áp dụng tại cơ sở y tế mình đang công tác và hỗ trợ cho người chăm sóc, người khuyết tật.

Từ khóa: Cán bộ y tế, nhu cầu đào tạo, phục hồi chức năng, tỉnh Nghệ An.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phục hồi chức năng (PHCN), theo định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới, là các biện pháp y học, kinh tế, xã hội, giáo dục hướng nghiệp và kỹ thuật phục hồi nhằm làm giảm tác động của giảm chức năng và khuyết tật, đảm bảo cho người khuyết tật (NKT) hội nhập xã hội, có những cơ hội bình đẳng và tham gia đầy đủ các hoạt động của xã hội. Đây là một trong 3 lĩnh vực của y học gồm phòng bệnh-chữa bệnh-PHCN. Cơ sở vật chất hạn chế, nhân lực PHCN còn thiếu rất nhiều chưa đáp ứng được nhu cầu PHCN của NKT, chưa phân định rõ cán bộ PHCN, hoạt động PHCN cho NKT chưa có nhiều.

Trạm y tế đóng vai trò ban quản lý dự án xã, triển khai các hoạt động. Cán bộ y tế xã thu thập số liệu, theo dõi và quản lý chương trình PHCN tại cộng đồng cùng với sự hỗ trợ chuyên môn của kỹ thuật viên PHCN huyện và tỉnh. Hoạt động của cán bộ y tế xã trong chương trình PHCN là khá nhiều (1). Tuy nhiên thực trạng chưa được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN chiếm tỉ lệ rất cao, cao nhất là phát hiện sớm và can thiệp sớm khuyết tật. Cán bộ y tế phụ trách PHCN còn yếu kém ở trạm y tế mà PHCN phụ thuộc nhiều vào trạm.

Bên cạnh đó, theo kế hoạch triển khai “*Dự án chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng đối với nạn nhân chất độc hóa học/dioxin*”



Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Thị Hương

Email: nth12@huph.edu.vn

¹Trường Đại học Y tế công cộng

²Cục Quản lý khám chữa bệnh, Bộ Y tế

³Trường Đại học Tổng hợp Adelaide, Úc

Ngày nhận bài: 06/4/2024

Ngày phản biện: 10/6/2024

Ngày đăng bài: 24/6/2024

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0803SKPT23-032>

giai đoạn 2018 - 2021” năm 2021 trên địa bàn huyện Thanh Chương đã thực hiện hoạt động PHCN, hỗ trợ tổng thể cho nạn nhân. Nội dung và kết quả đầu ra của hoạt động theo kì vọng là thực hiện PHCN. Thanh Chương là huyện tham gia dự án của tỉnh Nghệ An. Chính vì những lý do trên nhóm nghiên cứu muốn mô tả nhu cầu đào tạo kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế trạm y tế xã tại huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An là như thế nào để góp phần đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ y tế trạm y tế phụ trách chương trình PHCN tại cộng đồng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Tại địa bàn huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An từ 12/2021-06/2022.

Đối tượng nghiên cứu: Trạm trưởng trạm y tế và cán bộ y tế tham gia chương trình PHCN của trạm y tế sinh sống trên địa bàn huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An năm 2022.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Chọn 114 người gồm mỗi xã 1 trạm trưởng và 2 cán bộ y tế phụ trách hoặc tham gia chương trình PHCN của huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An (38 xã).

Tiêu chí lựa chọn: từ 18 tuổi trở lên, hiện đang công tác tại trạm y tế xã, Phụ trách quản lý hoặc tham gia chương trình PHCN của trạm y tế và đồng ý tham gia nghiên cứu

Tiêu chí loại trừ: Không có mặt tại thời điểm thu thập số liệu.

Biến số nghiên cứu: Đặc điểm cán bộ y tế (Tuổi, giới, trình độ học vấn) và nhu cầu đào tạo kiến thức chuyên môn PHCN (hình thức đào tạo, nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo, Địa điểm đào tạo, Số lần đào tạo và Thời gian đào tạo).

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu: Sử dụng bộ câu hỏi có cấu trúc bao gồm các biến số phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu để phỏng vấn trực tiếp cán bộ y tế tại trạm.

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu thu được từ bộ câu hỏi phát vấn được nhập và phân tích trên phần mềm SPSS 22.0

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được thông qua hội đồng đạo đức theo số 131/2022/YTCC-HD3 tại trường Đại học Y tế Công cộng.

KẾT QUẢ

Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

Bảng 1 cho thấy Có 80/114 đối tượng nghiên cứu là nữ giới, chiếm tỷ lệ 70,2%. Nhóm tuổi có tỷ lệ cao nhất là từ 30- 49 tuổi (chiếm khoảng 1/2 ĐTN). Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $40,36 \pm 7,994$ tuổi. Đối tượng nghiên cứu có trình độ học vấn là cao đẳng, chiếm tỉ lệ cao nhất, 50,0%. Chuyên ngành học chủ yếu của đối tượng nghiên cứu là điều dưỡng, y đa khoa, chiếm tỷ lệ 28,9%, 14%, không có ai là ngành học phục hồi chức năng trong đối tượng nghiên cứu. (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

| Đặc điểm | n (%) | |
|-----------|-------|-----------|
| Giới tính | Nam | 34 (29,8) |
| | Nữ | 80 (70,2) |
| Nhóm tuổi | <30 | 11 (9,6) |
| | 30-39 | 51 (44,8) |
| | 40-49 | 34 (29,8) |

| Đặc điểm | | n (%) |
|----------------------------|---------------------|-----------------------|
| Nhóm tuổi | 50-59 | 16 (14,0) |
| | ≥ 60 | 2 (1,8) |
| Tuổi trung bình (Min- Max) | | 40,36 ± 7,994 (26-60) |
| Trình độ học vấn | Sơ cấp | 1 (0,9) |
| | Trung cấp | 26 (22,8) |
| | Phổ thông trung học | 0 |
| | Cao đẳng | 57 (50,0) |
| | Đại học | 29 (25,4) |
| | Sau Đại học | 0 |
| | Khác (THCS) | 1 (0,9) |
| Chuyên ngành học | Phục hồi chức năng | 0 |
| | Y học cổ truyền | 11 (9,6) |
| | Y đa khoa | 16 (14) |
| | Y sĩ | 14 (12,3) |
| | Điều dưỡng | 33 (28,9) |
| | Hộ sinh | 15 (13,2) |
| | Kỹ thuật Y | 0 |
| | Dược sĩ | 15 (13,2) |
| | Dân số | 9 (7,9) |
| | Dinh dưỡng | 0 |
| | Y học dự phòng | 1 (0,9) |
| | Y tế công cộng | 0 |
| | Khác | 0 |
| | Tổng | |

Nhu cầu đào tạo về kiến thức chuyên môn phục hồi chức năng của cán bộ y tế

Bảng 2 trình bày 100% Cán bộ y tế xã có nhu cầu đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN.

Bảng 2. Nhu cầu đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế xã

| Nhu cầu thông tin | n | % |
|--------------------|------------|------------|
| Có nhu cầu đào tạo | 114 | 100 |
| Không có nhu cầu | 0 | 0 |
| Tổng | 114 | 100 |

Bảng 3 trình bày nhu cầu về hình thức mong muốn được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế xã hầu hết từ tập huấn,

đều chiếm tỷ lệ cao nhất, đều trên 82%, hình thức có nhu cầu thấp là đào tạo từ xa và đào tạo theo khuôn mẫu.

Bảng 3. Nhu cầu về hình thức mong muốn được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế xã

| Hình thức đào tạo n (%) | Hội thảo, hội nghị | Tập huấn | Đào tạo theo khuôn mẫu | Đào tạo từ xa | Trang Web về PHCN/ NKT | Tổng |
|---|--------------------|-----------|------------------------|---------------|------------------------|-----------|
| Nội dung | | | | | | |
| Phân loại khuyết tật | 19 (16,7) | 98 (86,0) | 7 (6,1) | 6 (5,3) | 7 (6,1) | 114 (100) |
| Đánh giá khuyết tật | 19 (16,7) | 94 (82,5) | 7 (6,1) | 7 (6,1) | 10 (8,8) | 114 (100) |
| Phát hiện sớm và can thiệp sớm khuyết tật | 25 (21,9) | 94 (82,5) | 7 (6,1) | 7 (6,1) | 9 (7,9) | 114 (100) |
| PHCN cho NKT | 18 (15,8) | 96 (84,2) | 6 (5,3) | 7 (6,1) | 9 (7,9) | 114 (100) |

Bảng 4 trình bày phương thức mong muốn được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế xã là thuyết trình đều trên 35%, thảo luận nhóm đều trên 41%, thực hành trên học viên trên 27% và thực hành trên NKT đều chiếm tỉ lệ ở mức trung bình, chiếm trên 34%.

Bảng 4. Phương thức giảng dạy mong muốn được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế xã

| Nội dung của kiến thức chuyên môn PHCN | Phương thức đào tạo mong muốn | | | | |
|---|-------------------------------|----------------|-------------------------|--------------------|--------------------|
| | Thuyết trình | Thảo luận nhóm | Thực hành trên học viên | Thực hành trên NKT | Thực hành đóng vai |
| Phân loại khuyết tật | 44 (38,6) | 54 (47,4) | 38 (33,3) | 39 (34,2) | 0 |
| Đánh giá khuyết tật | 43 (37,7) | 50 (43,9) | 37 (32,5) | 46 (40) | 0 |
| Phát hiện sớm và can thiệp sớm khuyết tật | 43 (37,7) | 47 (41,2) | 31 (27,2) | 43 (37,7) | 0 |
| PHCN cho NKT | 41 (35,9) | 53 (46,5) | 36 (31,5) | 47 (41,2) | 0 |

Bảng 5 trình bày trong các đối tượng nghiên cứu có nhu cầu đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN từ cán bộ tuyến tỉnh, chiếm tỉ lệ cao nhất, đều trên 52%.

Bảng 5. Mong muốn Cán bộ đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN cho cán bộ y tế xã

| Nội dung của kiến thức chuyên môn PHCN | Mong muốn Cán bộ đào tạo, n (%) | | | | |
|---|---------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Cán bộ Trung ương | Cán bộ tuyến tỉnh | Cán bộ tuyến huyện | Giảng viên Trường ĐH YTCC | Giảng viên Trường CĐ Y tế |
| Phân loại khuyết tật | 25 (21,9) | 60 (52,6) | 33 (28,9) | 44 (38,6) | 4 (3,5) |
| Đánh giá khuyết tật | 26 (22,8) | 67 (58,8) | 30 (26,3) | 36 (31,6) | 8 (7,0) |
| Phát hiện sớm và can thiệp sớm khuyết tật | 25 (21,9) | 65 (57,0) | 31 (27,2) | 42 (36,8) | 5 (4,4) |
| PHCN cho NKT | 25 (21,9) | 64 (56,1) | 33 (28,9) | 38 (33,3) | 6 (5,3) |

Bảng 6 cho thấy địa điểm mong muốn được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN bao gồm BV PHCN tỉnh, UBND/ TTYT huyện, TX, TP, và UBND/TYT xã trong đó cao nhất

là UBND/ TTYT huyện, TX, TP, đều chiếm trên 51%, thấp nhất là Bệnh viện PHCN tỉnh, đều chiếm 27,2%.

Bảng 6. Địa điểm mong muốn được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế xã

| Địa điểm mong muốn n (%) | Bệnh viện PHCN tỉnh | UBND/ TTYT huyện, TX, TP | UBND/ Trạm Y tế xã, phường |
|--|---------------------|--------------------------|----------------------------|
| Nội dung kiến thức | | | |
| Phân loại khuyết tật | 31 (27,2) | 59 (51,8) | 57 (50,0) |
| Đánh giá khuyết tật | 31 (27,2) | 61 (53,5) | 55 (48,2) |
| Phát hiện sớm & can thiệp sớm khuyết tật | 31 (27,2) | 64 (56,1) | 50 (43,9) |
| PHCN cho NKT | 31 (27,2) | 61 (53,5) | 55 (48,2) |

Bảng 7 trình bày cán bộ y tế mong muốn đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN trong 1-3 ngày/1 đợt chiếm tỉ lệ cao nhất, đều trên 66%.

Cán bộ y tế mong muốn số lần đào tạo là 1 lần, chiếm tỉ lệ cao nhất ở tất cả các kiến thức chuyên môn PHCN.

Bảng 7. Thời gian và số lần đào tạo mong muốn về kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế xã

| Thời gian và số lần mong muốn n (%) | 1-3 ngày | | 3-5 ngày | | 5-7 ngày | |
|---|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|---------|
| | 1 lần | 2 lần | 1 lần | 2 lần | 3 lần | 3 lần |
| Nội dung kiến thức | | | | | | |
| Phân loại khuyết tật | 79 (69,3) | 70 (61,4) | 26 (22,8) | 37 (32,5) | 9 (7,9) | 7 (6,1) |
| Đánh giá khuyết tật | 79 (69,3) | 68 (59,6) | 25 (21,9) | 38 (33,3) | 10 (8,8) | 8 (7,0) |
| Phát hiện sớm và can thiệp sớm khuyết tật | 79 (69,3) | 65 (57,0) | 26 (22,8) | 40 (35,1) | 9 (7,9) | 9 (7,9) |
| PHCN cho NKT | 76 (66,7) | 70 (61,4) | 27 (23,7) | 35 (30,7) | 11 (9,6) | 9 (7,9) |

BÀN LUẬN

Về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, trong 114 đối tượng nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu là giới nữ, chiếm tỷ lệ 70,2%. Kết quả nghiên cứu này chiếm tỉ lệ cao, trên 70%, tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đức Trường và cộng sự năm 2016 về cán bộ Trạm y tế xã thuộc huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (3).

Nhóm tuổi có tỷ lệ cao nhất là từ 30- 49 tuổi (chiếm khoảng 1/2 ĐTN). Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $40,36 \pm 7,994$ tuổi. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đức Trường về Thực trạng thực hiện nhiệm vụ và nhu cầu đào tạo liên tục của cán bộ Trạm y tế xã thuộc huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đức Trường thì nhóm tuổi từ 31-50 tuổi cũng

chiếm 58,78%, trên 50% đối tượng nghiên cứu (3). Đối tượng nghiên cứu có trình độ học vấn là cao đẳng, chiếm tỉ lệ cao nhất, 50,0%. Chuyên ngành học chủ yếu của đối tượng nghiên cứu là điều dưỡng, y đa khoa, chiếm tỷ lệ 28,9%, 14%, không có ai là ngành học phục hồi chức năng trong đối tượng nghiên cứu. Điều này cũng phù hợp với thực trạng về sự phân bố NKT và cán bộ PHCN tại Việt Nam là một sự phân bố cực kỳ bất hợp lý, nơi mà tỷ lệ NKT chiếm 75 - 80% (tuyển xã) lại không có cán bộ PHCN. Trong khi, nơi chỉ có 1 - 5% NKT có nhu cầu PHCN thì tỷ lệ cán bộ PHCN vào khoảng 79 - 85% (2), (6), (7). Như vậy, PHCNDVCD là giải pháp hữu hiệu nhất để giải quyết vấn đề NKT và nguồn nhân lực thực hiện kỹ thuật của chương trình phải được phân công cụ thể, đó là yếu tố quyết định sự thành công của chương trình.

100% đối tượng nghiên cứu có nhu cầu đào tạo về các nội dung chuyên môn PHCN. Năm 2022, theo tác giả Gale L, Gillis S, Grills N thì để đáp ứng nhu cầu phục hồi và hòa nhập của người khuyết tật ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình đòi hỏi phải có nhân viên địa phương được đào tạo đầy đủ. Hiện nay, việc thiếu kiến thức và hiểu biết về năng lực cần có của nhân viên PHCN tại cộng đồng đang ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và lực lượng lao động. Nên họ có nhu cầu được đào tạo nâng cao kiến thức PHCN. Nghiên cứu này cũng tương đồng với kết quả của chúng tôi (8). Trong nhóm đối tượng mong muốn được đào tạo, tỷ lệ đối tượng nghiên cứu mong muốn đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN từ tập huấn đều chiếm tỷ lệ cao, trên 82% trong đó nhu cầu đào tạo về phân loại khuyết tật theo hình thức tập huấn là cao nhất (86,0%) Phương thức mong muốn được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN của cán bộ y tế xã là thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành trên học viên và thực hành trên NKT đều chiếm tỉ lệ ở mức trung bình. Trong các đối tượng nghiên cứu có nhu cầu đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN từ

cán bộ tuyến tỉnh, chiếm tỉ lệ cao nhất, đều trên 52%. Địa điểm mong muốn được đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN. Đối tượng nghiên cứu mong muốn thời gian đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN là 1-3 ngày. Cán bộ y tế mong muốn số lần đào tạo liên tục trong năm là 1 lần, chiếm tỉ lệ cao nhất ở tất cả các kiến thức chuyên môn PHCN. Tỉ lệ đối tượng nghiên cứu có nhu cầu đào tạo về các nội dung chuyên môn PHCN cụ thể thấp, tuy nhiên các đối tượng có nhu cầu đào tạo đều tích tất cả các kiến thức chuyên môn PHCN, có thể do đối tượng nghiên cứu không hiểu ý câu hỏi, đối tượng nghiên cứu có nhu cầu đào tạo về các nội dung chuyên môn, có kiến thức nhu cầu nhiều, kiến thức nhu cầu ít. 100% đối tượng nghiên cứu đều có nhu cầu đào tạo kiến thức chuyên môn PHCN, mong muốn đào tạo thì nhiều nhưng thời gian, ngân sách cho phép thì ít nên chọn đào tạo theo thứ tự ưu tiên, nội dung nào cần thì sẽ đào tạo trước. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Phạm Văn Thăng mô tả thực trạng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật và xác định nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng tại các khoa lâm sàng bệnh viện Nhi Hải Dương. Các nội dung cần đào tạo trong nghiên cứu của tác giả Phạm Văn Thăng theo thứ tự ưu tiên dựa trên việc thực hiện nhiệm vụ và mong muốn của điều dưỡng đầu tiên là chăm sóc phục hồi chức năng, kiểm soát nhiễm khuẩn.

Hạn chế của nghiên cứu: Cán bộ y tế phụ trách PHCN tại trạm y tế thay đổi theo từng giai đoạn từng trạm. Hơn nữa trong khuôn khổ của dự án, nhóm nghiên cứu không thể mô tả nhu cầu đào tạo kiến thức về PHCN của tất cả cán bộ y tế tuyến xã nên phần nào cũng ảnh hưởng đến kết quả về nhu cầu đào tạo về kiến thức chuyên môn PHCN. Mặt khác chuyên ngành học chủ yếu của đối tượng nghiên cứu là điều dưỡng, y đa khoa, không có ai là ngành học phục hồi chức năng trong đối tượng nghiên cứu. Phục hồi chức năng cũng như phục hồi chức năng dựa vào cộng

đồng rất quan trọng tại tuyến y tế cơ sở, là tuyến gần với người khuyết tật, người chăm sóc người khuyết tật nhất. Điều đó cũng là một hạn chế của nghiên cứu khi mô tả nhu cầu đào tạo kiến thức PHCN cho đối tượng cán bộ y tế tuyến xã.

KẾT LUẬN

100% đối tượng nghiên cứu có nhu cầu đào tạo kiến thức chuyên môn trong đó theo hình thức tập huấn là nhiều nhất. Các phương thức giảng dạy đều mong muốn, ngoại trừ thực hành đóng vai, mong muốn cán bộ tuyến tỉnh giảng dạy, thời gian đào tạo 1-3 ngày/01 đợt, địa điểm học là UBND/TTYT huyện, TX, TP.

Khuyến nghị: Cần tổ chức các lớp tập huấn trực tiếp cho CBYT địa phương do cán bộ y tế tuyến huyện trở lên giảng tại UBND huyện và xã để gần nơi công tác của cán bộ y tế nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn PHCN để CBYT có thể áp dụng tại cơ sở y tế mình đang công tác và hỗ trợ cho NCS, NKT; Tăng cường đào tạo định kì và liên tục cho các CBYT xã phụ trách và thực hiện chương trình PHCN. Các khóa đào tạo nên tổ chức tại huyện, xã trong 1-3 ngày, về các kiến thức và kỹ năng cơ bản PHCN. Nội dung gợi ý xây dựng chương trình **đào tạo** sát thực với nhu cầu của **đối tượng** học viên.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin cảm ơn lãnh đạo các đoàn thể, nhân viên y tế và NCS TKT các xã của huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An đã hỗ trợ cho nhóm thu thập số liệu. Nhóm tác giả cũng xin cảm ơn chủ tịch hội đồng trường, ban giám hiệu, các phòng ban của trường và lãnh đạo khoa YHLS đã hỗ trợ cho nhóm hoàn thành bài báo. Đồng thời

nhóm tác giả cũng xin cảm ơn ban biên tập của tạp chí Sức khỏe và Phát triển đã nhận bài, hỗ trợ nhóm xuất bản bài báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Trọng Hải, Nguyễn Thị Minh Thùy (2017). *Tài liệu giảng dạy về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho cán bộ y tế cơ sở*. Nhà xuất bản Y học, tr 53-123.
2. Trần Trọng Hải, Nguyễn Thị Minh Thùy (2012). *Quản lý và tổ chức Phục hồi chức năng cho nạn nhân chất độc hóa học/Dioxin lồng ghép trong chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*. Nhà xuất bản Y học, tr 152-190.
3. Nguyễn Đức Trường (2016), Thực trạng việc thực hiện nhiệm vụ và nhu cầu đào tạo liên tục cán bộ trạm y tế xã thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020. Luận văn chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế.
4. Phạm Văn Thắng (2017), Thực trạng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật và nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện Nhi Hải Dương năm 2016-2017. Luận văn thạc sĩ quản lý bệnh viện.
5. Lê Thị Út Hiền (2020), Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của cán bộ y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tân Thanh, tỉnh Long An giai đoạn 2017-2019 và một số yếu tố ảnh hưởng. Luận văn thạc sĩ quản lý bệnh viện.
6. nccd.vn, *Ngành y tế chú trọng phát triển hệ thống phục hồi chức năng cho người khuyết tật*, truy cập ngày 15 tháng 01 năm 2016. http://dphanoi.org.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=3239&Itemid=774.
7. Nguyễn Xuân Nghiên, Cao Minh Châu, Trần Văn Chương, Vũ Thị Bích Hạnh (2011), *Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng, Sách chuyên khảo dành cho Cán bộ Ngành Phục hồi chức năng*, NXB Y học Hà Nội, tr. 83 – 108.
8. Gale L, Gillis S, Grills N (2022). Determining the vocational competencies required to deliver community-based rehabilitation and inclusive development services in India. *Disabil Rehabil*. 2022 Aug;44(17):4929-4943.

Training needs for rehabilitation expertise of commune health workers in Thanh Chuong district, Nghe An province in 2022

Nguyễn Thị Hương¹, Nguyễn Thị Hien Luong¹, Lê Thị Thanh Nhan¹, Phan Nguyễn Hoàng Mai¹, Trinh Cong Son¹, Tran Ngoc Nghi², Nguyễn Mai Anh¹, Hoang Van Minh¹, Ho Thi Hien³

¹ Hanoi University of Public Health

² Department of Medical Examination and Treatment, Ministry of Health

³The University of Adelaide, South Australia, Australia

Objective: To describe the training needs for rehabilitation expertise of commune health workers in Thanh Chuong District, Nghe An Province in 2022. \ **Research Method:** Cross-sectional descriptive study. Analyzed the training needs of 114 commune health workers in Thanh Chuong District, Nghe An Province, regarding rehabilitation expertise. \ **Results:** 100% of research subjects have a need for specialized knowledge training in Rehabilitation. Most participants preferred training workshops, with over 82.5% expressing this preference. \ **Conclusion:** 100% of participants expressed a need for specialized knowledge training, with training workshops being the most preferred format. Direct training sessions should be organized for local commune health workers, with district-level or higher health workers as instructors, at the district and commune people's committees. These training sessions should be held close to the workplaces of health workers to enhance their rehabilitation expertise, enabling them to apply this knowledge in their workplaces and provide support to caregivers and people with disabilities.

Keywords: *Commune health workers, training needs, rehabilitation, Nghe An Province.*